

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/HSST
Ngày 15 tháng 6 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn, Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo sau đây:

1/ **Giàng A S.** Sinh ngày: 01/01/1995. Nơi ĐKNKTT: Thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ văn hóa: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Giàng A Kh và bà: Ly Thị M (đều đã chết). Bị cáo có vợ là Vàng Thị Ch và 01 con sinh năm 2016. Không tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2/ **Sùng A Th.** Tên gọi khác: Cồng. Sinh ngày: 17/12/1995. Nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã S, huyện C, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: trồng trọt. Trình độ văn hóa: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không. Đảng phái, đoàn thể: không. Con ông: Sùng A Ch và bà: Giàng Thị D1. Bị cáo có vợ là Giàng Thị D2 và 01 con sinh năm 2015. Không tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1/ Chị Mùa Thị B. Sinh năm: 1972. Nơi ĐKNKTT: Bản T, xã Ph, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Chị Giàng Thị Ch. Sinh năm: 1993. Nơi ĐKNKTT: Bản T, xã Ph, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Giàng A S, Sùng A Th bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2016, Giàng A S sang Trung Quốc chặt chuỗi thuê cho một người phụ nữ dân tộc Mông tên Dợ, trong thời gian làm việc Dợ đặt vấn đề thuê S đi đón phụ nữ bên Việt Nam đưa lên biên giới Việt-Trung, Dợ sẽ cho người đến đón và đưa sang Trung Quốc để bán cho đàn ông bên Trung Quốc mua về làm vợ, Dợ sẽ trả công cho S là 3.000NDT/1 người, S nhất trí. Trước khi S về Việt Nam, Dợ cho S số điện thoại 0911451304 để liên lạc.

Cùng trong tháng 12/2016, Mùa Thị B liên tục nhận được điện thoại có số thuê bao 0911451304 của một người phụ nữ tự giới thiệu tên Mỹ ở bên Trung Quốc, Mỹ rủ B đi sang Trung Quốc lấy chồng để được hưởng cuộc sống sung sướng. Sau nhiều lần Mỹ gọi điện rủ rê, B đã rủ Giàng Thị Ch là em chồng của B cùng đi sang Trung Quốc để có cuộc sống sung sướng, Ch nhất trí. Ngày 04/01/2017, B nhận được điện thoại của Mỹ rủ B sang Trung Quốc, B đồng ý và nói cùng đi với B còn có Giàng Thị Ch. Ngày 05/01/2017, Mỹ gọi điện hẹn B là đến ngày 06/01/2017 sẽ cho người đến đón. Ngày 05/01/2017, S nhận được điện thoại của Dợ bảo S đi đón hai người phụ nữ dân tộc Mông ở bản N, M, Sơn La đưa lên khu vực biên giới Việt- Trung thuộc thôn L, xã B, huyện Kh, tỉnh Lào Cai, Dợ sẽ đón và trả công cho S là 6.000NDT, S đồng ý. Sau đó, Dợ cho S số điện thoại của Mùa Thị B (người S phải đón) để liên lạc. S đã rủ Sùng A Th cùng đi đón Mùa Thị B và Giàng Thị Ch ở bản N, huyện M, Sơn La để đưa sang Trung Quốc sẽ được trả công 6.000NDT, hai người sẽ chia đôi số tiền trên, Th nhất trí (trước đó, Th cũng đã từng đi sang Trung Quốc làm thuê biết có nhiều người đàn ông bên Trung Quốc cần mua phụ nữ Việt Nam về làm vợ). Sau đó, S đem xe máy đi cầm được 6.000.000đ để chi phí đi đường. Sáng ngày 06/01/2017, S và Th đón xe khách từ Lào Cai đến thành phố Sơn La rồi đi taxi vào bản N và hẹn đón hai người phụ nữ ở trung tâm xã N. Sau khi nhận được điện thoại của S, B cùng Ch đi bộ xuống trung tâm xã N. Đến khoảng 18h cùng ngày, S và Th đến trung tâm N rồi vào một quán nước đợi B, Ch, thấy có đông người để tránh bị phát hiện S gọi điện hẹn đón B, Ch ở cầu. Sau đó, S đi bộ một mình ra cầu N đón được B và Ch rồi S gọi điện cho Th đang ngồi ở quán nước gọi xe taxi đến đón. Trong khi chờ xe taxi, S đưa B và Ch xuống trốn dưới gầm cầu N. Đến khoảng 20h cùng ngày, Th gọi được xe taxi đi đến cầu N đón S, B và Ch đi Lào Cai, đi được khoảng 2km thì bị tổ công tác Công an tỉnh Sơn La phối hợp với Đoàn công an xã N, huyện M, tỉnh Sơn La kiểm tra, bắt quả tang.

Đối với người phụ nữ tên Mỹ là người đã rủ Mùa Thị B đi sang Trung Quốc cũng như người phụ nữ tên Dợ ở Trung Quốc đã thuê S đón B, Ch đều sử dụng điện thoại có số thuê bao 0911451304, Cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại trên chủ thuê bao là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 24/9/1988 hiện đang công tác tại phòng kinh tế hạ tầng huyện Kh, Lào Cai. Nguyễn Văn Th khẳng

định không được đăng ký và sử dụng số điện thoại thuê bao trên, dó đó cơ quan an ninh điều tra không có căn cứ đề điều tra, xác minh làm rõ.

Đối với Đoàn Xuân V là lái xe taxi đã đón và chở Giàng A S, Sùng A Th, Mùa Thị B, Giàng Thị Ch từ trung tâm xã N đi Lào Cai, V chỉ lái xe taxi khi khách gọi xe, V không biết việc S, Th đón B, Ch đi sang Trung Quốc để bán, do đó Đoàn Xuân V không liên quan đến vụ án.

Do có hành vi trên, tại cáo trạng số 438/VKS-P1 ngày 26/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Giàng A S, Sùng A Th về tội Mua bán người, theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Giàng A S từ 05 đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 18; Điều 52; Điều 53 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Sùng A Th từ 03 đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tiền tổn thất về danh dự, nhân phẩm cho những người bị hại theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: nhất trí về tội danh, về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại,

XÉT THẤY

Giàng A S, Sùng A Th đã có hành vi đón và đưa Mùa Thị B, Giàng Thị Ch từ xã N, huyện M, tỉnh Sơn La để đi lên Lào Cai giao cho một người phụ nữ tên Dợ (Mỹ) đưa sang Trung Quốc bán với mục đích nhận tiền công là 6.000NDT. Trên đường đưa B và Ch từ xã N lên Lào Cai thì bị phát hiện và bắt giữ tại bản O, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 20 giờ 20 phút ngày 06/01/2017 tại Đồn Công an N, huyện M, tỉnh Sơn La đối với Giàng A S, Sùng A Th.

- Lời khai của người bị hại Mùa Thị B, Giàng Thị Ch.

- Lời khai nhận tội của bị cáo.

Với các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Giàng A S, Sùng A Th đã phạm tội Mua bán người, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Khung hình phạt áp dụng: Bị cáo Giàng A S, Sùng A Th biết rõ mục đích của người phụ nữ tên Dợ bảo đi đón người bị hại Mùa Thị B và Giàng Thị Ch là để đưa sang Trung Quốc bán nhưng vì hám lợi S, Th vẫn đồng ý đưa người bị hại B và Ch lên Lào Cai để giao cho Dợ bán sang Trung Quốc, hành vi của các bị cáo vi phạm tình tiết định khung hình phạt “để đưa ra nước ngoài”, “đối với nhiều người” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 20 năm.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án có đồng phạm: Bị cáo Giàng A S là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Sùng A Th trong việc cùng đi đón người bị hại Mùa Thị B và Giàng Thị Ch và hứa hẹn được tiền công sẽ chia đôi cho Th. Bị cáo Sùng A Th là người tiếp nhận ý chí của bị cáo S, tham gia với vai trò đồng phạm cùng thực hiện hành vi đi đón bị hại B, Ch để đưa lên Lào Cai giao cho Dợ bán sang Trung Quốc. Do đó, khi lượng hình, cần xem xét áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo Sùng A Th.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền tự do của con người được Hiến pháp quy định và được pháp luật bảo vệ nên cần có một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét: các bị cáo không có tiền án, tiền sự; tại quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Mục đích của các bị cáo là đưa Mùa Thị B, Giàng Thị Ch lên Lào Cai để giao cho Dợ bán sang Trung Quốc, tuy nhiên trên đường đi bị phát hiện bắt giữ thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, không có tài sản để đảm bảo việc thi hành án nên không phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, những người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự nhân phẩm cho mỗi bị hại là 20.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu của người bị hại là không có căn cứ bởi thực tế các bị cáo mới đưa được các bị hại đi được 2km thì đã bị phát hiện, bắt giữ, tuy nhiên việc các bị cáo định đón và đưa những người bị hại sang Trung Quốc đã gây hoang mang cho bản thân cũng như gia đình người bị hại nên cần chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của những người bị hại

Vật chứng vụ án:

Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo, xét đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh thư mang tên Giàng A S không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo S.

Đối với số tiền 4.900.000đ thu giữ của bị cáo Giàng A S, xét không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Giàng A S, Sùng A Th phạm tội Mua bán người.

1/ Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 52 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Giàng A S 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/01/2017.

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 3 Điều 52; Điều 53 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Sùng A Th 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/01/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 592 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho mỗi người bị hại 3.000.000đ, cụ thể theo phần:

- Bị cáo Giàng A S phải bồi thường cho người bị hại Mùa Thị B 1.500.000đ, bồi thường cho người bị hại Giàng Thị Ch 1.500.000đ.

- Bị cáo Sùng A Th phải bồi thường cho người bị hại Mùa Thị B 1.500.000đ, bồi thường cho người bị hại Giàng Thị Ch 1.500.000đ.

3/ Vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE F103, vỏ màu trắng IMEI có 04 số cuối 0445 kèm 01 sim trong máy (thu của bị cáo Sùng A Th).

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Power C17, vỏ màu đen 2 IMEI có 04 số cuối 1530; 1548 kèm 02 sim trong máy (thu của bị cáo Giàng A S).

- Trả lại cho bị cáo Giàng A S: 01 chứng minh nhân dân số 063508417 mang tên Giàng A S do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/7/2016.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 4.900.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo Giàng A S.

4/ Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/6/2017)./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối Cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- PA92- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- Phòng NVKT-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Bích Hồng